

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
ĐỀ SỐ 1

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1. Phép chia $480 : 60$ có kết quả là:

- A. 80 B. 800 C. 60 D. 8

Câu 2. Tính giá trị biểu thức sau:

$$56\,781 + 78\,951 - 6\,781 - 8\,951$$

- A. 12 000 B. 120 000 C. 67 000 D. 670 000

Câu 3. Hình vuông có mấy cặp cạnh vuông góc với nhau?

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Câu 4. Tổng hai số là 120. Biết số bé viết thêm chữ số 1 bên tay trái thì được số lớn. Số bé là:

- A. 10 B. 20 C. 40 D. 60

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (1 điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $8\text{m}^2\,4\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$ b) $26\,000\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

Bài 2. (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

- a) $265\,814 + 353\,548$ b) $946\,495 - 473\,859$
c) 428×125 d) $72\,450 : 23$

Bài 3. (1 điểm).

- a) Tìm x biết $7875 : x = 45$
b) Tính giá trị của biểu thức sau:

$$25800 : 100 + 32 \times 11$$

Bài 4 (2 điểm). Hai xe chở tất cả 56 780 kg gạo. Biết nếu xe thứ nhất chuyển cho xe thứ hai 120 kg gạo thì hai xe chở số gạo bằng nhau. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
ĐỀ SỐ 2

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1. Số ba trăm hai mươi một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn viết là:

- A. 321 523 B. 321 523 000 C. 321 5 230 D. 523 321 000

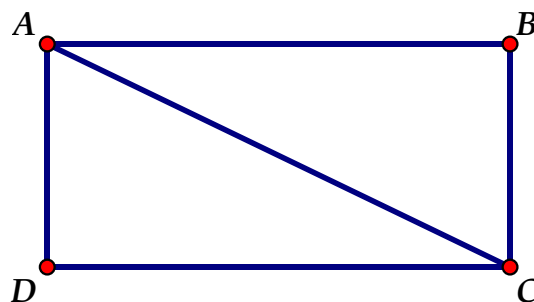
Câu 2. Mai và Lan có tất cả 40 quyển vở. Nếu Mai cho Lan 5 quyển vở thì hai bạn có số vở bằng nhau. Hỏi lúc đầu Mai có bao nhiêu quyển vở?

- A. 15 quyển vở B. 20 quyển vở C. 25 quyển vở D. 30 quyển vở

Câu 3: Lan có 145 viên bi. Mai có số bi bằng $\frac{1}{5}$ số bi của Lan. Hỏi Mai có bao nhiêu viên bi?

- A. 150 B. 145 C. 29 D. 140

Câu 4. Hình chữ nhật ABCD có mấy góc vuông?



- A. 3 góc vuông B. 4 góc vuông C. 5 góc vuông D. 6 góc vuông

PHẦN II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- a) 21 tấn 90kg = 21090kg ☐ b) 1m 5 dm = 150dm ☐
c) 2 phút 15 giây = 215 giây ☐ d) $\frac{1}{2}$ thế kỉ = 50 năm ☐

Bài 2. (1 điểm) Tìm x.

- a) $x - 426 = 2478$ b) $1452 : x = 4$

Bài 3. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

- a) $1\ 456 + 1\ 651$ b) $87\ 965 - 4\ 108$

c) $2\,167 \times 6$

d) $96\,267 : 3$

Bài 4. (2 điểm) Chu vi mảnh đất hình chữ nhật là 200 m. Biết chiều dài hơn chiều rộng 20 m. Hỏi diện tích mảnh đất là bao nhiêu?

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
ĐỀ SỐ 3

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất:

Câu 1. Tổng của hai số là 456. Số lớn hơn số bé 24 đơn vị. Tìm số bé?

- A. 240 B. 216 C. 256 D. 267

Câu 2. Kết quả của phép nhân 82×11 là:

- A. 822 B. 902 C. 802 D. 912

Câu 3. Số gồm có 5 triệu, 7 chục nghìn, 6 trăm được viết ...

- A. 5 700 600 B. 5 070 600 C. 5 007 600 D. 5 070 060

Câu 4. 75 phút =..... giờ phút

- A. 1 giờ 35 phút B. 1 giờ 15 phút C. 1 giờ 55 phút D. 1 giờ 45 phút

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $1944 : 162$

b) 36×23

Bài 2. (2 điểm) Một căn phòng hình chữ nhật có tổng hai cạnh liên tiếp là 13m. Chiều dài hơn chiều rộng 3m. Hỏi diện tích căn phòng là bao nhiêu mét vuông?

Bài 3. (1 điểm) Tính nhanh: $156 \times 56 + 56 \times 542 + 698 \times 44$

Bài 4. (1 điểm) Tổng hai số chẵn là 200. Biết giữa chúng có 6 số lẻ liên tiếp. Tìm hai số đó.

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
ĐỀ SỐ 4

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

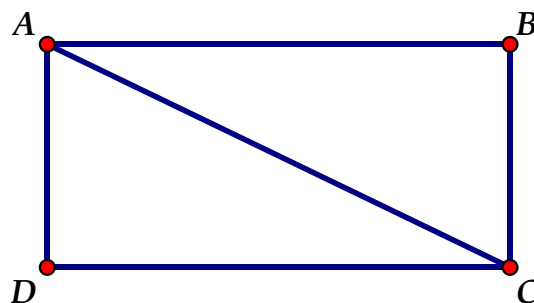
Câu 1. Giá trị của chữ số 9 trong số 897 054 là:

- A. 90 B. 970 C. 90 000 D. 900

Câu 2. Có 45 bông hoa thì được cắm đều vào 5 lọ hoa. Hỏi nếu có 135 bông hoa thì cần bao nhiêu lọ hoa như thế?

- A. 15 B. 18 C. 20 D. 30

Câu 3. Hình chữ nhật ABCD có mấy góc vuông?



- A. 4 góc vuông B. 3 góc vuông C. 2 góc vuông D. 6 góc vuông

Câu 4. Cho biểu thức: $2016 \times a + 2016 \times b + 2016 \times c = (a + b + c) \times \dots$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

- A. 2016 B. 2015 C. a D. b

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

- | | |
|------------------------|------------------------|
| a) $24\,675 + 45\,327$ | c) $1\,995 \times 253$ |
| b) $601\,759 - 1\,988$ | d) $23\,520 : 56$ |

Bài 2. (2 điểm) Một trang trại chăn nuôi có 560 con gà trống và gà mái. Số gà mái nhiều hơn số gà trống là 340 con. Hỏi trại chăn nuôi đó có bao nhiêu con gà mỗi loại?

Bài 3. (1 điểm) Tổng số tuổi của ba bố con bằng 55 tuổi, tuổi bố nhiều hơn tổng số tuổi của 2 anh em là 25 tuổi. Tính tuổi của em, biết anh hơn em 5 tuổi.

Bài 4. (1 điểm) Tính nhanh: $999\,999 + 99\,999 + 9\,999 + 999 + 99 + 9$

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
ĐỀ SỐ 5

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1. Số “Chín triệu ba trăm linh bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai” viết là:

- A. 9 370 632 B. 9 703 632 C. 9 307 632 D. 9 037 632

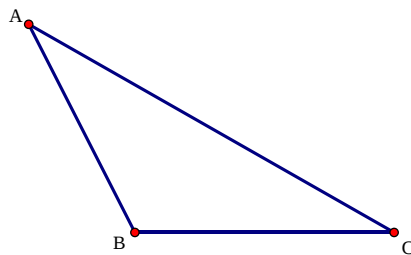
Câu 2. Tính $a \times b + 567$ với $a = 11$ và $b = 12$.

- A. 789 B. 678 C. 699 D. 782

Câu 3. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 đánh tan quân Mông Nguyên lần thứ ba thuộc thế kỉ nào?

- A. XIII B. XIV C. XII D. XVI

Câu 4. Nêu tên đỉnh và cạnh của góc tù trong hình vẽ bên:



- A. Đỉnh A, cạnh AC, AB
B. Đỉnh B, cạnh BC, BA
C. Đỉnh C, cạnh CA, CB
D. Đỉnh B, cạnh CA, CB.

PHẦN II: TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (1điểm) Tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất.

$$123 \times 97 + 2 \times 123 + 123$$

Bài 2. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

- a) $278091 + 530162$ b) $709253 - 234751$ c) $11760 : 42$

Bài 3. (1 điểm) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn:

$$24670; 2476; 24675; 2469; 2470$$

Bài 4. (2điểm) Trường Tiểu học Cổ Đông có 524 học sinh. Số học sinh nam ít hơn số học sinh nữ là 136 em. Hỏi trường Tiểu học Cổ Đông có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?